

Số: 129 /QĐ-SKHĐT

Lạng Sơn, ngày 01 tháng 10 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 đối với  
các lĩnh vực hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

### GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ xác nhận của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư trong phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 93/QĐ-SKHĐT ngày 20/10/2016 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các thành viên Ban Chỉ đạo ISO và công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- Sở KH&CN;
- Chi cục tiêu chuẩn đo lường CL;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Đã ký**

**Nguyễn Hữu Chiến**

**Phụ lục**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC**  
**CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số:129/QĐ-SKHĐT ngày 01/10/2018 của*  
*Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

<b>TT</b>	<b>TÊN TÀI LIỆU</b>	<b>MÃ SỐ</b>
<b>I</b>	<b>CÁC TÀI LIỆU HỆ THỐNG</b>	
1	Chính sách chất lượng	C_SCL
2	Mục tiêu chất lượng của Sở	MTCL
3	Kiểm soát tài liệu	QT.01
4	Kiểm soát hồ sơ	QT.02
5	Kiểm soát và xử lý sự không phù hợp	QT.03
6	Hành động khắc phục	QT.04
7	Hành động phòng ngừa	QT.05
8	Đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo	QT.06
<b>II</b>	<b>CÁC QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP</b>	QT.07
1	Quản lý văn bản đi	QT.08
2	Quản lý văn bản đến	QT.09
3	Khen thưởng	
4	Tiếp công dân	QT.10
5	Giải quyết khiếu nại – tố cáo	QT.11
6	Xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh	QT.12
7	Thanh tra tổ chức theo đoàn	QT.13
<b>IV</b>	<b>CÁC QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC</b>	
<b>A</b>	<b>Lĩnh vực Đăng ký doanh nghiệp, Liên hiệp HTX (Gồm 89TTHC)</b>	
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp; Chi nhánh; Văn phòng đại diện; Địa điểm kinh doanh.	QT.14
2	Đăng ký thay đổi nội dung doanh nghiệp	QT.15
3	Giải thể doanh nghiệp	QT.16
4	Đăng ký thành lập, thay đổi, cấp lại, giải thể Liên hiệp Hợp tác xã	QT.17
5	Đăng ký doanh nghiệp xã hội	QT.18
<b>B</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam (Gồm 26 TTHC)</b>	

1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.19
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.20
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.21
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.22
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	QT.23
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	QT.24
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.25
8	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	QT. 26
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	QT. 27
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	QT. 28
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	QT. 29
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	QT.30
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	QT. 31
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT. 32
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT. 33
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT. 34
17	Giãn tiến độ đầu tư	QT. 35
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	QT. 36
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	QT. 37
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT. 38
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT.39
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	QT.40
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	QT.41
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	QT.42
25	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	QT.43
26	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	QT.44

<b>C</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp nông thôn (Gồm 01 TTHC)</b>	
1	Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	QT.45
<b>Đ</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư Viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Gồm 04 TTHC)</b>	
1	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	QT.46
2	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	QT.47
3	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	QT.48
4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án	QT.49
<b>E</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) (Gồm 09 TTHC)</b>	
1	Đề xuất và lựa chọn đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	QT.50
2	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QT.51
3	Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QT.52
4	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QT.53
5	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	QT.54
6	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án	QT.55
7	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	QT.56
8	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	QT.57
9	Xác nhận chuyên gia	QT.58
<b>G</b>	<b>Lĩnh vực Đấu thầu (Gồm 04 TTHC)</b>	
1	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	QT. 59
2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	QT. 60

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN CÔNG BỐ**  
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 đối với các lĩnh vực**  
**hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư**  
*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số: 129/QĐ-SKHĐT ngày*  
*01/10/2018 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành**

*Lạng Sơn, ngày 01 tháng 10 năm 2018*  
**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Chiến**